

Light

MODULO S1PS LOW PERF

MODULOS1PL

Giày th ể **thao an toàn siêu thoáng khí**

i **mái** th ầu **giày** **MODULO** **chống** tính năng an toàn thoáng khí, p o **lót chống** ESD, và ngón chân an toàn, v.v. Đ ư ợc làm t ừ nguyên **chất**.

Những vật liệu cao cấp hơn nhỏ	sợ
lót bên trong	i tái chế lưới
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa	đế g ệt chống thủ ng
ngoài	Đ BASF PU/BASF PU
u	Đứng đầ Nanocarbon
i	Loạ S1 PS / SR, SC, FO, ESD
	Phạm vi kích thước EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t thép	0.540 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024 IS 15298 (Part 2): 2016



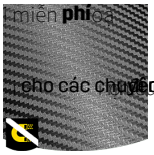
112



BLK GRY



T ấm **SJ** BỌ lót chân tính mái có thể tháo Chống vừa vặn, dẫn hướng và hấp thụ sốc ót chân và bàn thoáng khí và hút ẩm.



miễn **phí** oạ Kim l Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng ho các chuyên giày.



ần **chay** thu Không ử dụ s chứ t



Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng i, siêu nhẹ chống đâm thủng. Bao phủ 100% này, không



ước **(SR)** Chống t đây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử tích xà phòng và dầ



mũi chống **mài mòn (SC)** Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng bảo mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở giày an toàn

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Ngành công n g nhiệ p , hậ

ường: **Môi** t
r ơn g môi khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng b p cách h ệ Không

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l q	Đ ờn g
	Nhữ n g vật liệu sợ **cao** cấp h ơn					
	Top: khả năng r ấm ớ	? 0.8	8.20		ời	mg/cm/g
	Top: h ệ số ớ	? 15	68			mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế					
	L ớp lót: r ấm ớ	? 2	60.62		ời	mg/cm/g
	lót: h ệ số ớ	? 20	485			mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ** làm t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles			chu kỳ
goài	Đ **BASF PU/BASF PU**					
	Ch ố r ắm g mài mòn ế g ngoài (	? 150	127mm³ (Density:1.09g/cm³)			mm
	Chư ố t c g bản - Ceramic + NaLS - Trư ớt g ướ phía t	? 0.31	0.33			ma sát
	r Cơ ố ằ g G ố m + NaLS - Trư ớt lư phía t	? 0.36	0.42			ma sát
	r Cơ SR G ố m + Glycerin - Trư ớt g phía t	? 0.19	0.22			ma sát
	Chư ố t SR g G ố m + Glycerin - Trư ớt g phía t	? 0.22	0.25			ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	31.5			megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	21			megaohm
	Hấp thụ năng l g chân ủ	? 20	31			J
	Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.0			mm

kích thước thép: 42

a chú ý Safety Jogger đã được đăng ký và không

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l q	Đ ờn g
	i **CO** **phát** thả				
	V ật l iệu		6.60		kg
	Bao bì		0.20		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			8.95 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
	ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
	Product		13%	
	Bao bì		18%	

Tính toán CO2:
rị đ Các giá tr ròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng